

Rome thiết lập tầm nhìn - Số mười

Cuộc xung đột cuối cùng: Sách Giô-ên, sự sụp đổ của New York và biểu tượng của La Mã trong lịch sử Phục Lâm

Jeff Pippenger

2024-08-26

Cuộc tranh luận cuối cùng mà tôi muốn nêu cùng với các lập luận lịch sử khác về biểu tượng của La Mã trong lịch sử Phục Lâm là sách Giô-ên. Cuộc tranh luận đó diễn ra sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, và nếu không xét đến bối cảnh của giai đoạn ấy thì một vài điểm tinh tế rất có thể sẽ bị bỏ sót. Để đặt những hoàn cảnh đó vào bối cảnh, cần xem xét đến lịch sử Phong trào Miller. Vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, lời tiên tri thời gian trong Khải Huyền chương 9, câu 15 đã được ứng nghiệm.

Và bốn thiên sứ đã được thả ra, là những vị đã được chuẩn bị cho một giờ, một ngày, một tháng và một năm, để giết một phần ba loài người. Khải Huyền 9:15.

Câu này xác định “một giờ, một ngày, một tháng và một năm” là tương đương với ba trăm chín mươi một năm và mười lăm ngày. Bốn thiên sứ biểu trưng cho khi Hội giáo trở dậy nắm quyền và đem chiến tranh chống lại La Mã, khởi đầu vào ngày 27 tháng 7 năm 1449. Điểm khởi đầu được xác định bằng cách dùng điểm kết thúc của một lời tiên tri thời gian khác kéo dài một trăm năm mươi năm. Lời tiên tri thời gian thứ nhất, dài một trăm năm mươi năm, đã được nêu ra trong lịch sử của tai họa thứ nhất, cũng là tiếng kèn thứ năm trong Khải Huyền chương chín. Khi lời tiên tri một trăm năm mươi năm ấy kết thúc vào ngày 27 tháng 7 năm 1449, lời tiên tri thời gian mà chúng ta đang xét đến bắt đầu, và ba trăm chín mươi một năm mười lăm ngày sau đó, lời tiên tri ấy kết thúc vào ngày 11 tháng 8 năm 1840.

William Miller đã hiểu rằng những quyền lực trong Khải Huyền đoạn 9 tượng trưng cho Hội giáo, và trước ngày 11 tháng 8 năm 1840, một Millerite tên Josiah Litch đã đưa ra một lời tiên đoán dựa trên lời tiên tri, xác định rằng vào năm 1840, quyền bá chủ của Đế quốc Ottoman sẽ chấm dứt. Mười ngày trước ngày 11 tháng 8 năm 1840, Litch đã điều chỉnh và cập nhật lời tiên đoán của mình để xác định không chỉ năm lời tiên tri sẽ ứng nghiệm, mà còn cả ngày, tháng và năm cụ thể. Bà White bình luận về tác động của lời tiên đoán của Litch đối với giới tôn giáo của những người Millerite khi sự kiện ấy được ứng nghiệm.

"Vào năm 1840, một sự ứng nghiệm đáng chú ý khác của lời tiên tri đã khơi dậy sự quan tâm rộng rãi. Hai năm trước đó, Josiah Litch, một trong những mục sư hàng đầu rao giảng về sự tái lâm, đã xuất bản một bản luận giải về Khải Huyền chương 9, dự đoán sự sụp đổ của Đế quốc Ottoman. Theo tính toán của ông, quyền lực này sẽ bị lật đổ . . . vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, khi quyền lực Ottoman tại Constantinople được kỳ vọng sẽ bị phá vỡ. Và điều này, tôi tin rằng, sẽ tỏ ra là đúng."

Đúng vào thời điểm đã định, Thổ Nhĩ Kỳ, thông qua các đại sứ của mình, đã chấp nhận sự bảo hộ của các cường quốc đồng minh ở châu Âu, và như thế tự đặt mình dưới sự kiểm soát của các

quốc gia Kitô giáo. Sự kiện ấy đã ứng nghiệm chính xác lời tiên đoán. Khi việc đó được biết đến, đông đảo người đã tin chắc về tính đúng đắn của các nguyên tắc giải nghĩa tiên tri do Miller và các cộng sự của ông áp dụng, và phong trào chờ đợi sự tái lâm nhận được một động lực kỳ diệu. Những người có học thức và địa vị đã hợp tác với Miller, cả trong việc rao giảng lẫn việc xuất bản các quan điểm của ông, và từ năm 1840 đến năm 1844, công việc ấy nhanh chóng được mở rộng. Cuộc Tranh Luận Vĩ Đại, 334, 335.

Sự xác nhận của bà về sự kiện này, qua nhiều năm, đã liên tục bị những người Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy theo Laodicea tấn công bằng nhiều cách khác nhau. Cũng như với bảy thời kỳ và “the daily”, việc tấn công lẽ thật này là chối bỏ những nền tảng được trình bày trên hai bảng thánh, đồng thời chối bỏ cả thẩm quyền của Thần Linh của lời tiên tri. Lý do Sa-tan đã ra sức phá hủy sự tin tưởng vào lịch sử này là có nhiều mặt.

Lời dự đoán của Litch đã sử dụng “các nguyên tắc giải nghĩa tiên tri do Miller áp dụng.” Miller đã được ban cho sự hiểu biết về yếu tố thời gian tiên tri, và ai nghi ngờ rằng sứ điệp của Miller dựa trên thời gian tiên tri thì chỉ cần xem lại các biểu đồ tiên phong năm 1843 và 1850 để xác nhận điều này. Trước ngày 11 tháng 8 năm 1840, những người phản đối lời dự đoán của Miller về sự tái lâm của Đấng Christ lập luận rằng không thể sử dụng thời gian tiên tri để biết khi nào Đấng Christ sẽ trở lại. Họ thường dùng lời Kinh Thánh nói rằng không ai biết ngày hay giờ để chống lại sứ điệp và công việc của ông.

Nhưng về ngày ấy và giờ ấy, thì không ai biết được; ngay cả các thiên sứ trên trời cũng không, chỉ một mình Cha tôi mà thôi. Nhưng như các ngày của Nô-ê thế nào, thì sự đến của Con Người cũng sẽ thế ấy. Vì như trong những ngày trước nạn hồng thủy, người ta cứ ăn uống, cưới gả, cho đến ngày Nô-ê vào con tàu; và họ không hề biết gì cho đến khi nước lụt đến cuốn đi hết thảy; sự đến của Con Người cũng sẽ như vậy. Bấy giờ sẽ có hai người ở ngoài đồng; một người được đem đi, còn người kia bị để lại. Ma-thi-ơ 24:36-40.

Bất chấp đoạn văn này, những người Millerite đã tìm thấy quá nhiều bằng chứng Kinh Thánh để ủng hộ các dự đoán của họ và tiếp tục hoạt động dựa trên một nguyên tắc về sau được Bà White chỉ ra.

"Không người nào biết ngày hay giờ' là lập luận thường được những người bác bỏ đức tin về Sự Tái Lâm nêu ra nhất. Kinh Thánh chép: 'Còn về ngày và giờ đó, chẳng ai biết, dầu các thiên sứ trên trời cũng không, chỉ một mình Cha Ta mà thôi.' Ma-thi-ơ 24:36. Những người trông đợi Chúa đã đưa ra một lời giải thích rõ ràng và hài hòa về câu này, và việc các đối thủ sử dụng sai câu ấy đã được chỉ ra một cách rõ ràng. Những lời ấy do Chúa Giê-xu phán trong cuộc trò chuyện đáng ghi nhớ với các môn đồ trên núi Ô-liu, sau khi Ngài rời đền thờ lần cuối cùng. Các môn đồ đã hỏi: 'Dấu hiệu nào về sự Ngài đến và về tận thế?' Chúa Giê-xu đã ban cho họ các dấu hiệu, và phán: 'Khi các người thấy hết mọi điều ấy, hãy biết rằng Ngài ở gần, đang ở trước cửa.' Các câu 3, 33. Không được dùng một lời phán của Cứu Chúa để bác bỏ lời khác. Dầu không ai biết ngày hay giờ Ngài đến, chúng ta được chỉ dạy và được yêu cầu phải biết khi nào sự Ngài đến đã gần. Chúng ta còn được dạy rằng khinh thường lời cảnh báo của Ngài, và từ chối hay lơ là không biết khi kỳ tái lâm của Ngài gần đến, sẽ tai hại cho chúng ta như đối với những người sống trong thời Nô-ê không biết khi trận lụt sắp tới. Và dụ ngôn trong cùng

chương ấy, đối chiếu người tôi tớ trung tín với kẻ bất trung, và tuyên án kẻ đã nói trong lòng rằng, 'Chủ ta trì hoãn đến,' cho thấy Đấng Christ sẽ nhìn nhận và thưởng phạt thế nào đối với những người Ngài thấy đang tỉnh thức và rao giảng về sự Ngài đến, và đối với những kẻ chối bỏ điều ấy. 'Vậy hãy tỉnh thức,' Ngài phán. 'Phước cho tôi tớ ấy, khi chủ mình đến thấy đang làm như vậy.' Các câu 42, 46. 'Vậy nếu người không tỉnh thức, Ta sẽ đến như kẻ trộm, và người chẳng biết giờ nào Ta sẽ đến trên người.' Khải Huyền 3:3." Đại Tranh Chiến, 370.

Khi lời dự đoán của Litch được ứng nghiệm, những người “có học thức và địa vị đã hiệp cùng Miller, cả trong việc giảng đạo lẫn trong việc xuất bản các quan điểm của ông, và từ năm 1840 đến 1844 công cuộc ấy nhanh chóng được mở rộng.” Sứ điệp của Miller được tiếp thêm sức mạnh khi các quy tắc giải nghĩa lời tiên tri của ông được xác nhận là đúng đắn. Trước sự ứng nghiệm của lời tiên tri về thời kỳ, không chỉ một quy tắc của Miller được xác nhận và nhiều người khi ấy đã gia nhập phong trào Millerite, mà điều có ý nghĩa mang tính tiên tri không kém là chính quy tắc chủ yếu trong các quy tắc của Miller đã được xác nhận. Cũng đáng chú ý là việc xác nhận ấy được thực hiện thông qua việc áp dụng một lời tiên tri về điều khốn nạn thứ hai trong ba điều khốn nạn, là ba kèn thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

Việc sứ điệp của Miller được thêm quyền năng đã trở thành một trong những cột mốc quan trọng nhất của phong trào cải cách Millerite. Điều ấy đã được tiêu biểu bởi phép báp-têm của Đức Chúa Giê-su. Nó đánh dấu rằng tiến trình thử thách cuối cùng của dân giao ước trước kia (những người Tin Lành) đã bắt đầu. Nó trở thành trọng tâm cuộc tấn công của Sa-tan nhằm vào toàn bộ phong trào và sứ điệp Millerite.

“Bất kỳ câu hỏi nào mà Sa-tan có thể khơi dậy trong tâm trí để gieo hoài nghi về lịch sử vĩ đại các cuộc hành trình xưa của dân Đức Chúa Trời đều sẽ làm vừa lòng Sa-tan và là một sự xúc phạm đối với Đức Chúa Trời. Tin về việc Chúa sắp ngự đến thế giới chúng ta trong quyền năng và vinh quang lớn lao là lẽ thật, và vào năm 1840, nhiều tiếng nói đã cất lên để công bố điều ấy.” Manuscript Releases, tập 9, trang 134.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, khốn nạn thứ ba đã đến trong lịch sử tiên tri. Sự kiện ấy xác nhận quy tắc chủ chốt trong việc giải nghĩa lời tiên tri, được phong trào thiên sứ thứ ba, bắt đầu năm 1989, chấp nhận. Lẽ thật đầu tiên được mở ra cho sứ giả của phong trào cải cách ấy vào năm 1989, và đó không phải là sáu câu cuối của Đa-ni-ên đoạn 11. Đó là lẽ thật rằng mọi phong trào cải cách đều chạy song song với nhau và cần được ghép lại theo nguyên tắc dòng trên dòng để nhận diện các đặc điểm của phong trào một trăm bốn mươi bốn nghìn, chính là phong trào thiên sứ thứ ba. Bài trình bày công khai đầu tiên tôi từng thực hiện là tại một trại nhóm vào năm 1994, hoặc có lẽ năm 1995. Bài trình bày đó không phải về sáu câu cuối của Đa-ni-ên đoạn 11, mà là về các đường lối cải cách chạy song song với nhau.

Khi lời tiên tri về Hội giáo liên quan đến tai họa thứ ba được ứng nghiệm vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, điều đó tương ứng với ngày 11 tháng 8 năm 1840. Năm 1840, một lời tiên tri về tai họa thứ nhất và thứ hai đã xác nhận sứ điệp của những người theo Miller, và vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, một lời tiên tri về tai họa thứ ba đã xác nhận sứ điệp của Future for America. Sự nhìn nhận thực tế ấy đã đưa một đoàn người đông đảo vào phong trào, vốn trước đó chủ yếu xoay quanh một cá nhân. Sứ điệp của phong trào và sứ giả của nó sau đó bị công kích, cũng như lịch sử năm 1840

đã trở thành trọng tâm của các cuộc tấn công của Sa-tan trong những thập kỷ tiếp theo.

Những người gia nhập phong trào Future for America đã áp dụng các quy tắc giải thích lời tiên tri do vị sứ giả của lịch sử ấy hệ thống hóa. Một trong những quy tắc đó, có lẽ quan trọng nhất, là và vẫn là nguyên tắc “áp dụng ba lần” của lời tiên tri. Vị sứ giả đã hiểu rằng một số chân lý tiên tri được minh họa qua ba sự ứng nghiệm cụ thể. Tin rằng lịch sử Millerite được lặp lại trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn ngàn, người ta thấy rằng ngày 11 tháng 8 năm 1840 tiên trưng cho ngày 11 tháng 9 năm 2001, và rằng các dòng cải cách thiêng liêng khác cũng có chính dấu mốc ấy.

Sau đó, Su tử của chi phái Giu-đa đã bày tỏ bằng chứng rằng mọi dòng cải cách thánh đều được lặp lại trong dòng của thiên sứ thứ ba. Người ta thấy rằng, cũng như lịch sử Millerite đã ứng nghiệm dụ ngôn mười trinh nữ đứng từng chữ, thì lịch sử của Future for America cũng vậy.

Tôi thường được nhắc đến dụ ngôn mười trinh nữ, trong đó năm người khôn ngoan, và năm người dại. Dụ ngôn này đã và sẽ được ứng nghiệm đúng từng chữ, vì nó có sự áp dụng đặc biệt cho thời kỳ này, và, cũng như sứ điệp của thiên sứ thứ ba, đã được ứng nghiệm và sẽ tiếp tục là lẽ thật hiện tại cho đến lúc thời gian chấm dứt. Review and Herald, ngày 19 tháng 8 năm 1890.

Bảy tiếng sấm trong Khải Huyền đoạn 10 được hiểu là chỉ ra kinh nghiệm của những người Millerite từ ngày 11 tháng 8 năm 1840 đến ngày 22 tháng 10 năm 1844, và cũng chỉ ra lịch sử từ ngày 11 tháng 9 năm 2001 cho đến luật Chủ nhật sắp đến.

“Ánh sáng đặc biệt đã được ban cho Giăng, được bày tỏ trong bảy tiếng sấm, là sự phác họa những biến cố sẽ xảy ra dưới các sứ điệp của vị thiên sứ thứ nhất và thứ hai....”

Sau khi bảy tiếng sấm này đã cất tiếng, một mệnh lệnh được ban cho Giăng, giống như đã từng được ban cho Đa-ni-ên, liên quan đến quyển sách nhỏ: “Hãy niêm phong những điều mà bảy tiếng sấm đã phán ra.” Những điều này liên quan đến các sự kiện tương lai sẽ được bày tỏ theo trình tự của chúng. The Seventh-day Adventist Bible Commentary, tập 7, trang 971.

Đã được ghi nhận rằng Bà White đã trực tiếp nói rằng phong trào của thiên sứ thứ ba song hành với phong trào của thiên sứ thứ nhất và thứ hai.

Đức Chúa Trời đã dành cho các sứ điệp trong Khải Huyền 14 chỗ đứng trong dòng tiên tri, và công việc của chúng sẽ không chấm dứt cho đến khi lịch sử của trái đất này kết thúc. Các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai vẫn là lẽ thật cho thời này, và sẽ song hành với sứ điệp theo sau. Thiên sứ thứ ba công bố lời cảnh báo của mình bằng tiếng lớn. "Sau những điều ấy," Giăng nói, "tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn, và đất được chiếu sáng bởi vinh quang của ngài." Trong sự chiếu sáng này, ánh sáng của cả ba sứ điệp được kết hợp lại. Các Tài liệu 1888, 803, 804.

Phong trào của thiên sứ thứ nhất và thứ hai diễn ra song song với phong trào của thiên sứ thứ ba. Lời tiên tri đã trao quyền năng cho phong trào của thiên sứ thứ nhất và thứ hai được củng cố bởi sự ứng nghiệm của một lời tiên tri về thời kỳ liên quan đến tai ương thứ nhất và thứ hai, và việc trao quyền năng cho phong trào của thiên sứ thứ ba cũng được củng cố bởi sự ứng nghiệm của một lời tiên tri về tai ương thứ ba.

Cũng như vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, khi thông điệp của Future for America được xác nhận, "rất đông người đã bị thuyết phục về tính đúng đắn của các nguyên tắc giải nghĩa lời tiên tri đã được áp dụng" bởi Future for America, và "một động lực tuyệt vời đã được trao cho phong trào chờ đợi Sự Tái Lâm." "Những người có học thức và địa vị đã hiệp nhất" với Future for America, "cả trong việc giảng đạo lẫn việc xuất bản" thông điệp tiên tri của Future for America. Nguyên tắc cụ thể của Future for America, vốn đã xác nhận rõ ràng ngày 11 tháng 9 năm 2001 như một sự ứng nghiệm của lời tiên tri, là "sự áp dụng ba lần của lời tiên tri."

Khi chúng ta chấp nhận quan điểm nền tảng về Hội giáo trong hai tai họa thứ nhất và thứ hai, như được trình bày trên cả hai biểu đồ thánh, cùng với lời chứng bằng văn bản của những người đã rao giảng sứ điệp, chúng ta nhận ra những đặc điểm tiên tri cụ thể gắn liền với tai họa thứ nhất và tai họa thứ hai. Kinh Thánh nhiều lần dạy, bằng nhiều cách, rằng lẽ thật được xác lập dựa trên lời chứng của hai. Các đặc điểm tiên tri của tai họa thứ nhất, khi kết hợp với các đặc điểm tiên tri của tai họa thứ hai, xác lập các đặc điểm tiên tri của tai họa thứ ba. Sự áp dụng ba lần của Hội giáo cụ thể đến mức trong việc xác định sự xuất hiện của tai họa thứ ba vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, đến nỗi không thể không thấy, dù đa số chọn nhầm mắt trước bằng chứng.

Sự áp dụng ba lần của lời tiên tri đã xác lập vững chắc rằng tai họa thứ ba đã đến vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Lúc ấy người ta thấy rằng quy tắc ấy đã được liên kết trực tiếp với sứ điệp của thiên sứ thứ hai, mà trong thời của những người Millerite và cũng trong thời của một trăm bốn mươi bốn nghìn là giai đoạn khi Đức Thánh Linh được tuôn đổ. Cả hai giai đoạn lịch sử ấy là sự ứng nghiệm của dụ ngôn mười trinh nữ, và trong dụ ngôn, sứ điệp về tiếng kêu nửa đêm là nơi sự phân biệt giữa kẻ khôn và kẻ dại được bày tỏ, và cũng là nơi sứ điệp của thiên sứ thứ hai được thêm quyền năng.

"Gần cuối sứ điệp của thiên sứ thứ hai, tôi thấy một luồng ánh sáng lớn từ trời chiếu rọi trên dân của Đức Chúa Trời. Những tia của luồng sáng ấy rực rỡ như mặt trời. Và tôi nghe tiếng các thiên sứ kêu lên: 'Kìa, Chàng Rể đến; hãy ra đón Ngài!'"

"Đó là tiếng kêu nửa đêm, được định để ban sức mạnh cho sứ điệp của thiên sứ thứ hai. Các thiên sứ được sai từ trời đến để khơi dậy những thánh đồ nản lòng và chuẩn bị họ cho công việc lớn lao đang ở trước mặt họ. Những người tài năng nhất không phải là những người đầu tiên nhận sứ điệp này. Các thiên sứ được sai đến với những người khiêm nhường, tận hiến, và thôi thúc họ cất tiếng kêu: 'Kìa, Chàng Rể đến; hãy đi ra để nghênh tiếp Ngài!'" Early Writings, 238.

Trong lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, sự tuôn đổ của Đức Thánh Linh được thực hiện khi Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm kết hợp với sứ điệp của thiên sứ thứ hai. Điều này được lặp lại trong lịch sử của thiên sứ thứ ba.

Những thiên sứ đã được sai đến để trợ giúp thiên sứ quyền năng từ trời, và tôi nghe những tiếng nói dường như vang khắp nơi: Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi nó, để các ngươi chớ dự phần vào các tội lỗi của nó, và chớ nhận lấy các tai vạ của nó; vì các tội lỗi của nó đã chất lên đến tận trời, và Đức Chúa Trời đã nhớ lại các sự gian ác của nó. Sứ điệp này dường như là một phần bổ sung cho sứ điệp thứ ba và hiệp với nó, như tiếng kêu lúc nửa đêm đã hiệp cùng sứ điệp của

thiên sứ thứ hai vào năm 1844. Vinh quang của Đức Chúa Trời ngự trên những thánh đồ kiên nhẫn chờ đợi, và họ không sợ hãi rao ra lời cảnh cáo trọng thể sau cùng, công bố sự sụp đổ của Ba-by-lôn, và kêu gọi dân của Đức Chúa Trời ra khỏi nó, để họ có thể thoát khỏi án phạt kinh khiếp của nó. Ân Tứ Thuộc Linh, tập 1, trang 195.

Xét về phương diện áp dụng ba lần của lời tiên tri, sứ điệp của thiên sứ thứ hai đại diện cho một sự áp dụng ba lần của lời tiên tri, vì sứ điệp trong mỗi giai đoạn lịch sử đều là “Ba-by-lôn đã đổ, đã đổ.”

Lại có một thiên sứ khác theo sau, nói rằng: “Ba-by-lôn, thành lớn kia, đã sụp đổ, đã sụp đổ, vì nó đã khiến muôn dân uống rượu con thịnh nộ của sự tà dâm nó.” Khải Huyền 14:8.

Thiên sứ quyền năng của Khải Huyền đoạn mười đã giáng xuống vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, cùng với sự ứng nghiệm của một lời tiên tri về tai họa thứ nhất và thứ nhì; và qua đó, đã tiêu biểu cho sự giáng xuống của thiên sứ quyền năng trong Khải Huyền đoạn mười tám vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Vị thiên sứ ấy, Đáng làm cho đất sáng rực bởi vinh quang của Ngài, bây giờ đã đưa ra một lời tuyên bố.

Người kêu lớn tiếng, rằng: Ba-by-lôn lớn đã sụp đổ, đã sụp đổ, và đã trở nên chỗ ở của ma quỷ, nhà giam của mọi tà linh ô uế, và lòng của mọi loài chim dơ bẩn và đáng ghét. Khải Huyền 18:2.

Sứ điệp của thiên sứ thứ hai trong chương mười bốn và của thiên sứ đầy quyền năng trong chương mười tám cho biết rằng Ba-by-lôn đã hai lần sụp đổ, và sứ điệp ấy đang xác định Ba-by-lôn của những ngày sau rốt. Nó xác định Ba-by-lôn của những ngày sau rốt, vì hai lần Ba-by-lôn trước đây đã sụp đổ—vào thời Nim-rôt, và vào thời Nê-bu-cát-nét-sa cho đến Bên-xát-sa—đã thiết lập những đặc điểm tiên tri về sự sụp đổ của đại dâm phụ trong Khải Huyền mười bảy, trên trán có ghi: “Ba-by-lôn Vĩ Đại.” Để nhận diện sự sụp đổ ấy của Ba-by-lôn trong những ngày sau rốt cần có hai chứng nhân là hai lần sụp đổ trước của Ba-by-lôn, vì sứ điệp của thời kỳ cuối cùng là: “Ba-by-lôn đã đổ, đã đổ rồi.” Khi các tòa nhà lớn ở Thành phố New York bị đánh sập bởi một sự chạm của Đức Chúa Trời, thiên sứ đầy quyền năng đã giáng xuống; và qua lời tuyên bố của Ngài, Ngài chỉ ra nguyên tắc áp dụng ba lần của lời tiên tri. Sự áp dụng ba lần của lời tiên tri, điều đã xác lập ngày 11 tháng 9 năm 2001 như một sự ứng nghiệm lời tiên tri của Đức Chúa Trời, chính là sự áp dụng ba lần của ba lời “khốn thay”.

Khi điều ấy ứng nghiệm, nhiều người đã gia nhập phong trào Future for America, và họ tin chắc vào các nguyên tắc giải nghĩa tiên tri mà Future for America đã áp dụng. Ngày 11 tháng 8 năm 1840 đã được lập lại, và việc lập lại ấy đã không xác nhận quy tắc chủ yếu của Miller, tức là một ngày tượng trưng cho một năm trong lời tiên tri Kinh Thánh, vì quy tắc chủ yếu của Future for America là lịch sử Millerite về sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai được lập lại trong lịch sử của phong trào thiên sứ thứ ba.

Có vẻ hiển nhiên rằng, nếu năm 1840 đã trở thành mục tiêu của một cuộc tấn công cụ thể bởi Sa-tan, như cách Bà White xác định, thì lịch sử của sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001 cũng sẽ chịu một cuộc tấn công tương tự. Vì thế, chúng ta gặp các thuyết âm mưu quy vai trò cho những người theo chủ nghĩa toàn cầu, hoặc Dòng Tên, hoặc CIA, hoặc gia đình Bush, hoặc một sự kết hợp nào

đó của những thế lực ấy. Những thuyết đó, dù có chứa một vài yếu tố đúng, nhằm bác bỏ ý tưởng cho rằng chính sự chạm tay của Đức Chúa Trời đã làm đổ sập những tòa nhà lớn ở Thành phố New York, qua đó đánh dấu sự xuất hiện của tai vạ thứ ba trong lịch sử của phong trào một trăm bốn mươi bốn ngàn.

"Giờ đây lại có tin rằng tôi đã tuyên bố New York sẽ bị quét sạch bởi một cơn sóng thần? Điều đó tôi chưa hề nói. Tôi đã nói rằng, khi nhìn những tòa nhà lớn mọc lên ở đó, tầng này chồng tầng kia, 'Những cảnh tượng kinh hoàng nào sẽ diễn ra khi Chúa trời dậy để làm rung chuyển dữ dội trái đất! Bấy giờ những lời trong Khải Huyền 18:1-3 sẽ được ứng nghiệm.' Toàn bộ chương mười tám của sách Khải Huyền là một lời cảnh báo về những điều sắp đến trên đất. Nhưng tôi không có ánh sáng cụ thể nào về điều gì sẽ xảy ra cho New York, chỉ biết rằng một ngày nào đó những tòa nhà lớn ở đó sẽ bị lật đổ bởi sự xoay chuyển và đảo lộn của quyền năng Đức Chúa Trời. Từ ánh sáng đã được ban cho tôi, tôi biết rằng sự hủy diệt hiện diện trong thế gian. Chỉ một lời từ Chúa, một chạm của quyền năng vĩ đại của Ngài, là những công trình đồ sộ này sẽ đổ sập. Những cảnh tượng sẽ diễn ra, sự kinh khiếp của chúng vượt ngoài sức tưởng tượng của chúng ta." Review and Herald, ngày 5 tháng 7, 1906.

Những thuyết âm mưu, dù hoàn toàn không có sự thật hay chỉ chứa đựng một phần sự thật, đều làm suy yếu lẽ thật rằng chính hoạt động quan phòng của Đức Chúa Trời đã đưa đến những sự kiện của ngày ấy. Những thuyết âm mưu khác nhau ấy là sự tấn công của Sa-tan từ bên ngoài phong trào chống lại lẽ thật, nhưng hắn cũng đã hành động để phá hoại lẽ thật từ bên trong phong trào. Một trong những cuộc tấn công từ bên trong ấy dựa trên việc bác bỏ rằng La Mã là đối tượng mà sách Giô-ên đề cập đến.

Chúng ta sẽ xem xét cuộc tranh cãi đó trong bài viết tiếp theo.

Lời của Chúa đến với Joel, con của Pethuel. Hỡi các bà lão, hãy nghe điều này; hỡi mọi cư dân trong xứ, hãy lắng tai nghe. Điều ấy đã từng xảy ra trong đời các ngươi, hay ngay cả trong đời cha các ngươi chăng? Hãy kể điều ấy cho con cái các ngươi, để con cái các ngươi kể cho con cái chúng, và con cái chúng lại kể cho một thế hệ khác. Điều gì sâu trụi còn sót lại thì châu chấu đã ăn; điều gì châu chấu còn sót lại thì sâu đo đã ăn; điều gì sâu đo còn sót lại thì sâu bướm đã ăn. Hỡi những kẻ say, hãy tỉnh dậy và khóc lóc; hỡi mọi kẻ uống rượu, hãy gào than vì rượu mới, vì nó đã bị cất khỏi miệng các ngươi. Vì có một dân đã tràn vào đất ta, mạnh mẽ và vô số; răng của nó là răng sư tử, và nó có cả răng hàm của sư tử lớn. Joel 1:1-6.